

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2020
V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Thanh Hương;

Ông Bùi Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Đỗ Thị T**, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Ý, tỉnh N. (Có mặt)

- *Bị đơn:* **Ông Phạm Văn H**, sinh năm 1948; địa chỉ: phố Đ, phường B, thành phố N1, tỉnh N2. (Có yêu cầu xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Phạm Văn H tự nguyện kết hôn ngày 20/10/2009 đăng ký tại UBND phường B, thành phố N1. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H ghen tuông; thời gian đó bà T bị tai biến, con riêng của ông sợ ông phải chăm sóc bà nên đã đưa ông về ở cùng con riêng. Từ đó đến nay, ông H không hỏi thăm, quan tâm, gặp mặt bà T, vợ chồng sống ly thân đến nay. Bà T xác định tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông H theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa Nguyên đơn bà Đỗ Thị T: Vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Phạm Văn H vì tình cảm ông bà không còn. Về con chung ,tài sản chung và công nợ chung ông bà không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn Ông Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn H và Bà Đỗ Thị T tự nguyện kết hôn ngày 20/10/2009 đăng ký tại UBND phường B, thành phố N1. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T hay bị ốm đau sức khỏe yếu, không thể chăm sóc được ông H nên năm 2018 ông H về sống tại phố Đông Hồ, phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình ở cùng con riêng. Từ đó đến nay, ông H không hỏi thăm, quan tâm, gặp mặt bà T, vợ chồng sống ly thân đến nay. Ông xác định tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng nhưng anh không nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T về việc “Xin ly hôn” đối với ông Phạm Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Đỗ Thị T với ông Phạm Văn H.
2. Về con chung, công nợ chung và tài sản chung: không có, Không xem xét giải quyết.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn; Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn H là bị đơn trong vụ án đã có yêu cầu xin xử vắng mặt tại phiên tòa với lý do sức khỏe yếu. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Phạm Văn H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N1, tỉnh N2 trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/ngày 20/10/2009, quyền số 01 năm 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn bà T và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do bà T hay bị ốm đau sức khỏe yếu, không thể chăm sóc được ông H nên năm 2018 Ông H về sống tại phố Đông Hồ, phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình ở cùng con riêng. Sau thời gian sống ly thân cho đến nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà T đề nghị xin ly hôn ông H. Ông H cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn và việc hai vợ chồng ông H, bà T không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay nhưng ông H không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H, bà T đều xác định có mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu ông H đã dọn nhà về nhà ở phố Đồng Hồ ở cùng với các con riêng của ông từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; chính quyền địa phương nơi ông H cư trú cũng xác nhận ông H có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, sau đó ông H và bà T chung sống với nhau ở huyện Ý, tỉnh N, sau

thời gian chung sống năm 2018 ông H, bà T đã không còn chung sống với nhau nữa và ông H đã một mình về sống ở nhà của mình tại phố Đồng Hồ, phường Bích Đào cùng con riêng của ông . Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, xử cho bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn H là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: ông H và bà T không có do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Ông H và bà T không có do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[2.4]. Về án phí:

- Án phí ly hôn: bà Đỗ Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T: Xử cho bà Đỗ Thị T được ly hôn đối với ông Phạm Văn H. Quan hệ hôn nhân của bà Đỗ Thị T và ông Phạm Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được Trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm ứng án phí tại Chi cục

Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001486 ngày 07 tháng 5 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm bà Đỗ Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã Ký)

Lâm Thị Thanh Nhàn